

Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 1

達拉斯淨宗學會 - 2010  
Tịnh Tông Học Hội Dallas - 2010  
八關齋戒  
儀規

**Bát Quan Trai Giới  
Nghị Quy**

---o0o---

**Nguồn**

<http://www.quangduc.com>

*Chuyển sang ebook 29-08-2009*

*Người thực hiện :*

*Nam Thiên - namthien@gmail.com*

[Link Audio Tại Website](#)

<http://www.phatphaponline.org>

---o0o---

Mục Lục

**目錄**

Giới định chân hương

Sám hối kệ

Phật thuyết Trai Kinh

Bổ khuyết chân ngôn

Bát quan giới trai nghị quy

Dịch Nghĩa Phật Thuyết Trai Kinh

Nghi Thức Bát Quan Trai Giới

---o0o---

戒定真香

Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 2

**JIÈ DÌNG ZHĒN XIĀNG**

**Giới định chân hương**

戒定真香

**JIÈ DÌNG ZHĒN XIĀNG**

Giới định chân hương

焚起冲天上

**FÉN Qǐ CHŌNG TIĀN SHÀNG**

Phân khởi xung thiên thượng

弟子虔誠

**DÌ Zǐ QIÁN CHÉNG**

Đệ tử kiên thành

爇在金爐放

**RÈ ZÀI JĪN LÚ FÀNG**

Nhiệt tại kim lư phóng

頃刻紛紜

**QǐNG KÈ FĒN YÚN**

Khoảnh khắc phân vân

即遍滿十方

**JÍ BIÀN MǎN SHÍ FĀNG**

Tức biến mãn thập phương

昔日耶輸免難消災障

**XÍ RÌ YĒ SHŪ MIǎN NÁN XIĀO ZĀI ZHàng**

Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 3

Tích nhật Da Thâu miễn nạn tiêu tai chướng

南 無 香 雲 蓋 菩 薩 摩 訶 薩

**NÁN MO XIANG YÚN GÀÌ PÚ SÀ MÓ HĒ SÀ**

Nam mô Hương Vân Cái Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần)

---o0o---

懺悔偈

**CHÀN HUǏ JIÉ**

**Sám hối kệ**

往 昔 所 造 諸 惡 業

**WǎNG Xǐ SUǒ ZÀO Zhū È YÈ**

Vãng tích sở tạo chư ác nghiệp

皆 由 無 始 貪 瞋 痴

**JIĒ YÓU WÚ SHǐ TĀN CHĒN CHĪ**

Giai do vô thủy tham sân si

從 身 語 意 之 所 生

**CÓNG SHĒN Yǔ Yì Zhǐ SUǒ SHĒNG**

Tùng thân ngữ ý chi sở sanh

今 對 佛 前 求 懺 悔

**JĪN DUì FÓ QIÁN QIú CHÀN HUǏ**

Kim đối Phật tiền cầu sám hối

往 昔 所 造 諸 惡 業

Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 4

**WǎNG Xǐ SUǒ ZÀO Zhū È YÈ**

Vãng tích sở tạo chư ác nghiệp

皆 由 無 始 貪 瞋 痴

**JIĒ YÓU WÚ SHǐ TĀN CHĒN CHĪ**

Giai do vô thủy tham sân si

從 身 語 意 之 所 生

**CÓNG SHĒN Yǔ Yì Zhǐ SUǒ SHĒNG**

Tùng thân ngữ ý chi sở sanh

一 切 罪 障 皆 懺 悔

**YĪ QIĒ ZUì Zhàng JiĒ CHÀN HUǏ**

Nhất thiết tội chướng giai sám hối

往 昔 所 造 諸 惡 業

**WǎNG Xǐ SUǒ ZÀO Zhū È YÈ**

Vãng tích sở tạo chư ác nghiệp

皆 由 無 始 貪 瞋 痴

**JIĒ YÓU WÚ SHǐ TĀN CHĒN CHĪ**

Giai do vô thủy tham sân si

從 身 語 意 之 所 生

**CÓNG SHĒN Yǔ Yì Zhǐ SUǒ SHĒNG**

Tùng thân ngữ ý chi sở sanh

一 切 罪 根 皆 懺 悔

**YĪ QIĒ ZUì Zhàng JiĒ CHÀN HUǏ**

Nhất thiết tội chướng giai sám hối

南無本師釋迦牟尼佛

**NÁN MO BÈN SHĪ SHÌ JIĀ MÓU NÍ FÓ**

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật (3 lần)

---o0o---

佛說齋經

**FÓ SHUŌ ZHĀI JĪNG**

**Phật thuyết Trai Kinh**

吳月氏國居士支謙譯

Ngô Nhục Chi quốc cư sĩ Chi Khiêm dịch

聞 如是一時佛在舍衛

**WÉN RÚ SHÌ YĪ SHÍ FÓ ZÀI SHĒ WÈI**

Văn như thị: Nhất thời Phật tại Xá Vệ

城 東 丞 相 家 殿。

**CHÉNG DŌNG CHÉNG XIĀNG JIĀ DIÀN.**

thành Đông thừa tướng gia điện.

丞 相 母 名 維 耶, 早 起

**CHÉNG XIĀNG MŨ MÍNG WÉI YĒ, ZǎO Qǐ**

Thừa tướng mẫu danh Duy Da, tảo khởi

沐浴 著 綵衣, 與諸子婦俱 出

**MÙ YÙ, ZHÙ CǎI YĪ, YŪ ZHŪ Zǐ FŪ JŪ CHŪ**

mộc dục, trước thái y, dữ chư tử phụ câu xuất,

稽首 佛足一面 坐, 佛問

**Qǐ SHŌU FÓ ZÚ YĪ MIÀN ZUÒ, FÓ WÈN**

khể thủ Phật túc nhất diện tọa, Phật vấn

維耶「沐浴何早？」對曰

**WÉI YĒ: “MÙ YÙ HÉ ZǎO?” DUÌ YUĒ:**

Duy Da: “Mộc dục hà tảo?” Đối viết:

欲與諸 婦俱受 齋 戒。佛言

**YÙ YŪ ZHŪ FŪ JŪ SHÒU ZHĀI JIÈ. FÓ YÁN**

Dục dữ chư phụ câu thụ trai giới. Phật ngôn:

齋 有 三 輩, 樂 何 等 齋 ?

**ZHĀI YŌU SĀN BÈI, YÀO HÉ DĒNG ZHĀI?**

Trai hữu tam bối, nhạo hà đẳng trai?

維耶 長 跪言: 願 聞 何

**WÉI YĒ CHÁNG GUÌ YÁN : YUÀN WÉN HÉ**

Duy Da trường quy ngôn: Nguyên văn hà

謂 三 齋. 佛言: 一 為 牧 牛

**WÈI SĀN ZHĀI. FÓ YÁN, YĪ WÉI MŪ NIÚ**

vi tam trai? Phật ngôn: Nhất vi mục ngưu

Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 7

齋, 二為 尼犍 齋, 三 為佛

**ZHĀI, ÈR WÉI NÍ JIĀN ZHĀI, SĀN WÉI FÓ**

trai, nhị vi Ni Kiền trai; tam vi Phật

法齋。牧牛 齋 者如牧牛

**Fǎ ZHĀI. MÙ NIÚ ZHĀI ZHĚ, RÚ MÙ NIÚ**

pháp trai. Mục ngưu trai giả, như mục ngưu

人 求 善 水 草 飲 飼 其 牛,

**RÉN QIÚ SHÀN SHUǐ CǎO YǐN SÌ QÍ NIÚ,**

nhân cầu thiện thủy thảo ẩm tỵ kỳ ngưu

暮 歸 思 念, 何 野 有 豐 饒

**MÙ GUĪ SĪ NIÀN, HÉ YĚ YǒU FĒNG RÁO**

mộ quy tư niệm, hà dã hữu phong nhiêu,

須 天 明 當 復 往。若 族

**XŪ TIĀN MÍNG DĀNG FÙ WǎNG. RUÒ ZÚ**

tu thiên minh đương phục vãng. Nhược tộc

姓 男 女 已 受 齋 戒, 意 在 家

**XÌNG NÁN NŪ Yǐ SHÒU ZHĀI JIÈ YÌ ZÀI**

**JĪĀ**

tánh nam nữ dĩ thụ trai giới, ý tại gia cư

居 利 欲 產 業 及 念 美 飲 食 育

**JŪ LÌ YÙ CHǎN YÈ jí NIÀN MĚI YǐN SHÍ YÙ**

lợi dục sản nghiệp cập niệm mỹ ẩm thực dục

Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 8

養 身 者, 是 為 如 彼 牧 牛

**YǎNG SHĒN ZHĚ, SHÌ WÉI RÚ Bǐ MÙ NIÚ**

dưỡng thân giả, thị vi như bǐ mục ngưu

人 意, 不 得 大 福, 非 大 明.

**RÉN Yì, BÙ DĒ DÀ FÚ, FĒI DÀ MÍNG.**

nhân ý, bất đắc đại phước, phi đại minh.

尼 犍 齋 者, 當 月 十 五

**NÍ JIĀN ZHĀI ZHĚ, DĀNG YUÈ SHÍ WŪ**

Ni Kiền Trai giả, đương nguyệt thập ngũ

日 齋 之 時, 伏 地 受 齋 戒, 為

**Rì ZHĀI ZHĪ SHÍ FÚ DÌ SHÒU ZHĀI JIÈ WÉI**

nhật trai chi thời, phục địa thụ trai giới, vi

十 由 延 內 諸 神 拜 言: 我

**SHÍ YÓU YÁN NÈI ZHŪ SHÉN BÀI YÁN: Wǒ**

thập do diên nội chư thần bài ngôn: Ngã

今 日 齋 不 敢 為 惡, 不 名 有

**JĪN Rì ZHĀI BÙ GǎN WÉI È, BÙ MÍNG YǒU**

kim nhật trai bất cảm vi ác, bất danh hữu

家, 彼 我 無 親, 妻 子 奴 婢 非 是

**JĪĀ, Bǐ Wǒ WÚ QĪN, QĪ Zǐ NÚ Bì FĒI SHÌ**

gia, bǐ ngã vô thân, thê tử nô tỳ phi thị

Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 9

我有, 我非 其主, 然 其學 貴  
**Wǒ yǒu, wǒ fēi qí zhǔ, rán qí xué guì**  
ngã hữu ngã phi kỳ chủ nhiên kỳ học quý

文 賤 質, 無 有 正 心, 至  
**Wén qiǎn zhì, wú yǒu zhèng xīn, zhì**  
văn tiện chất, vô hữu chánh tâm, chí

到 明 日 相 名 有 如 故  
**Dào míng rì xiāng míng yǒu rú gù**  
đáo minh nhật tương danh hữu như cố

事. 齋 如 彼 者, 不 得 大 福, 非 大  
**Shì. zhāi rú bǐ zhě, bù dé dà fú, fēi dà**  
sự. Trai như bǐ giả, bất đắc đại phước, phi đại

明. 佛 法 齋 者 道 弟 子 月 六  
**Míng. fó fǎ zhāi zhě dào dì zǐ yuè liù**  
minh. Phật pháp trai giả, đạo đệ tử nguyệt lục

齋 之 日 受 八 戒, 何 謂 八 ?  
**Zhāi zhī rì shòu bā jiè. hé wèi bā?**  
trai chi nhật thụ bát giới. Hà vi bát?

第 一 戒 者, 盡 一 日 一 夜 持, 心  
**Dì yī jiè zhě, jìn yī rì yī yè chí, xīn**  
Đệ nhất giới giả, tận nhất nhật nhất dạ trì, tâm

Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 10

如 真 人, 無 有 殺 意, 慈 念  
**Rú zhēn rén, wú yǒu shā yì, cí niàn**  
như chân nhân, vô hữu sát ý, từ niệm

眾 生, 不 得 賊 害, 蠕 動  
**Zhòng shēng bù dé zéi hài ruǎndòng**  
chúng sanh, bất đắc tặc hại, nhuyễn động  
之 類, 不 加 刀 杖, 念 欲 利  
**Zhī lèi, bù jiā dāo zhàng niàn yù lì**  
chi loại, bất gia đao trượng, niệm dục lợi

安, 莫 復 為 殺, 如 清 淨 戒 以  
**Ān, mò fù wéi shā, rú qīng jìng jiè yǐ**  
an, mạc phục vi sát, như thanh tịnh giới, dĩ

一 心 習  
**Yī xīn xí.**  
nhất tâm tập.

第 二 戒 者, 盡 一 日 一 夜 持  
**Dì èr jiè zhě, jìn yī rì yī yè chí**  
Đệ nhị giới giả, tận nhất nhật nhất dạ trì,

心 如 真 人, 無 貪 取 意, 思 念  
**Xīn rú zhē rén, wú tān qǔ yì, sī niàn**  
tâm như chân nhân, vô tham thủ ý, tư niệm

Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 11

布施, 當 歡 喜 與, 自 手 與, 潔  
**BÙ SHĪ, DĀNG HUĀN Xǐ Yǔ Zì SHǒu Yǔ Jié**  
bồ thí, đương hoan hỷ dữ, tự thủ dữ, khiết  
淨 與, 恭 敬 與, 不 望 與, 卻  
**JìNG Yǔ GōNG JìNG Yǔ BÙ Wàng Yǔ QUè**  
tịnh dữ, cung kính dữ, bất vọng dữ, khước

慳 貪 意, 如 清 淨 戒, 以 一  
**QIĀN TĀN Yì, RÚ QīNG JìNG Jiè, Yǐ Yī**  
khan tham dữ, như thanh tịnh giới, dĩ nhất

心 習.  
**XĪN XÍ .**  
tâm tập.

第三戒者, 一日一夜持, 心如  
**DÌ SĀN Jiè Zhě, Yī Rì Yī Yè Chí, XĪN RÚ**  
Đệ tam giới giả, nhất nhật nhất dạ trì tâm như

真 人, 無 婬 意, 不 念 房 室  
**ZHĒN Rén, WÚ Yín Yì, BÙ NIàn Fáng Shì,**  
chân nhân vô dâm ý, bất niệm phòng thất,

修 治 梵 行, 不 為 邪 欲, 心 不  
**XIŪ Zhì Fàn HēNG, BÙ WÉI Xié Yù XĪN BÙ**  
tu trị phạm hạnh, bất vi tà dục, tâm bất  
貪 色, 如 清 淨 戒, 以 一 心 習.  
**TĀN SÈ , RÚ QīNG JìNG Jiè, Yǐ Yī XĪN XÍ .**

Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 12

tham sắc, như thanh tịnh giới, dĩ nhất tâm tập.

第四戒者, 一日一夜持, 心如  
**DÌ SÌ Jiè Zhě, Yī Rì Yī Yè Chí, XĪN RÚ**  
Đệ tứ giới giả, nhất nhật nhất dạ trì, tâm như

真 人, 無 妄 語 意, 思 念 至  
**ZHĒN Rén, WÚ Wàng Yǔ Yì, SĪ NIàn Zhì**  
chân nhân, vô vọng ngữ ý, tư niệm chí

誠, 安 定 徐 言, 不 為 偽 詐,  
**CHÉNG ĀN DìNG Xú Yán BÙ WÉI Wèi Zhà**  
thành, an định từ ngôn, bất vi ngụy trá,

心 口 相 應, 如 清 淨 戒,  
**XĪN Kǒu XiāNG YìNG RÚ QīNG JìNG Jiè**  
tâm khẩu tương ứng, như thanh tịnh giới,

以 一 心 習.  
**Yǐ Yī XĪN XÍ .**  
dĩ nhất tâm tập.

第五戒者 一日一夜持, 心  
**DÌ WŪ Jiè Zhě, Yī Rì Yī Yè Chí, XĪN**  
Đệ ngũ giới giả, nhất nhật nhất dạ trì tâm

如 真 人, 不 飲 酒, 不 醉, 不 迷  
**RÚ ZhĒN Rén, BÙ YǐN Jiǔ, BÙ Zuì BÙ MÍ**  
như chân nhân, bất ẩm tửu, bất túy, bất mê

**Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 13**

亂, 不失志, 去放逸意, 如清  
**LUÀN, BÙ SHĪ ZHÌ QÙ FÀNG YÌ YÌ RÚ QĪNG**  
loạn, bất thất chí, khứ phóng dật ý, như thanh

淨戒, 以一心習.  
**JÌNG JIÈ, YĪ YĪ XĪN XÍ.**  
tịnh giới, dĩ nhất tâm tập.

第六戒者, 一日一夜持, 心如  
**DÌ LIÙ JIÈ ZHĚ, YĪ RÌ YĪ YÈ CHÍ, XĪN RÚ**  
Đệ lục giới giả, nhất nhật nhất dạ trì, tâm như

真 人, 無求安意, 不著華  
**ZHĒN RÉN, WÚ QIÚ ĀN YÌ BÙ ZHÙ HUÁ**  
chân nhân, vô cầu an ý, bất trước hoa  
香, 不傅脂粉, 不為歌舞  
**XIĀNG, BÙ FÙ ZHÍ FĚN, BÙ WÉI GĒ Wŭ**  
hương, bất phó chi phấn, bất vi ca vũ

倡 樂, 如清淨戒, 以一心  
**CHĀNG YUÈ, RÚ QĪNG JÌNG JIÈ, YĪ YĪ XĪN**  
xướng nhạc, như thanh tịnh giới, dĩ nhất tâm

習  
**XÍ.**  
tập.

第七戒者, 一日一夜持, 心如

**Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 14**

**DÌ QĪ JIÈ ZHĚ, YĪ RÌ YĪ YÈ CHÍ, XĪN RÚ**  
Đệ thất giới giả, nhất nhật nhất dạ trì tâm như

真 人, 無求安意, 不臥好  
**ZHĒN RÉN, WÚ QIÚ ĀN YÌ, BÙ WÒ HǎO**  
chân nhân, vô cầu an ý, bất ngọa hảo

床, 卑床草席, 捐除  
**CHUÁNG, BÌ CHUÁNG CǎO XÍ, JUĀN CHÚ**  
sàng, ty sàng thảo tịch, quyên trừ  
睡臥, 思念經道, 如清  
**SHUÌ WÒ, SĪ NIÀN JĪNG DÀO, RÚ QĪNG**  
thùy ngọa, tư niệm kinh đạo, như thanh

淨戒, 以一心習.  
**JÌNG JIÈ, YĪ YĪ XĪN XÍ.**  
tịnh giới, dĩ nhất tâm tập.

第八戒者, 一日一夜持, 心  
**DÌ BĀ JIÈ ZHĚ, YĪ RÌ YĪ YÈ CHÍ, XĪN**  
Đệ bát giới giả, nhất nhật nhất dạ trì, tâm

如真 人, 奉法時食, 食  
**RÚ ZHĒN RÉN, FÈNG Fǎ SHÍ SHÍ, SHÍ**  
như chân nhân, phụng pháp thời thực, thực

少 節身, 過日中後不  
**SHǎO JIÉ SHĒN, GUÒ RÌ ZHŌNG HÒU BÙ**  
thiểu tiết thân, quá nhật trung hậu bất

Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 15

復食, 如清淨戒, 以一心習.

**FÙ SHÍ, RÚ QĪNG JÌNG JIÈ, Yǐ YĪ XĪN XÍ.**

phục thực, như thanh tịnh giới dĩ nhất tâm tập.

佛告 維耶: 受 齋 之 日, 當

**FÓ GÀO WÉI YĒ: SHÒU ZHĀI ZHĪ RÌ DĀNG**

Phật cáo Duy Da: - Thụ trai chi nhật, đương

習五念。何謂五? 一當念

**XÍ WŨ NIÀN. HÉ WÈI WŨ? YĪ DĀNG NIÀN**

tập ngũ niệm. Hà vị ngũ? Nhất đương niệm

佛, 佛為如來, 為至真, 為

**FÓ, FÓ WÉI RÚ LÁI, WÉI ZHÌ ZHĒN, WÉI**

Phật, Phật vi Như Lai, vi chí chân, vi

等正覺, 為明行足,

**DĒNG ZHÈNG JUÉ, WÉI MÍNG XÍNG ZÚ,**

Đẳng Chánh Giác, vi Minh Hạnh Túc,

為善逝, 世間父, 無上

**WÉI SHÀN SHÌ, SHÌ JĪAN FÙ, WÚ SHÀNG**

vi Thiện Thệ, Thế Gian Phụ, Vô Thượng

士, 經法御, 天人師, 號

**SHÌ, JĪNG Fǎ YÙ, TIĀN RÉN SHĪ, HÀO**

Sĩ, Kinh Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu

曰佛。是念佛者愚痴惡意

Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 16

**YUĒ FÓ. SHÌ NIÀN FÓ ZHĒ YÚ CHĪ È YĪ**  
viết Phật. Thị niệm Phật giả ngu si ác ý

怒習悉除, 善心自生, 思樂

**NÙ XÍ XĪ CHÚ, SHÀN XĪN ZÌ SHĒNG, SĪ YÀO**

nộ tập tất trừ, thiện tâm tự sanh, tư nhạo

佛業. 譬如以麻油, 澡豆

**FÓ YĒ. PÌ RÚ Yǐ MÁ YÓU, ZǎO DÒU**

Phật nghiệp. Thí như dĩ ma du, thảo đậu,

沐頭, 垢濁得除. 齋念

**MÙ TÓU, GÒU ZHUÓ DĒ CHÚ. ZHĀI NIÀN**

mộc đầu, cấu trược đắc trừ. Trai niệm

佛者, 其淨如是, 眾人見

**FÓ ZHĒ, QÍ JìNG RÚ SHÌ, ZHÒNG RÉN**  
**Jiàn**

Phật giả, kỳ tịnh như thị, chúng nhân kiến

之, 莫不好信。

**ZHĪ, MÒ BÙ HǎO Xìn.**

chi, mạc bất hảo tín.

二當念法, 佛所說法,

**ÈR DĀNG NIÀN Fǎ, FÓ SUǒ SHUō Fǎ,**

Nhị đương niệm pháp, Phật sở thuyết pháp

三十七品, 具足不毀, 思念

**SĀN SHÍ QĪ PĪN, JÙ ZÚ BÙ HUǐ, SĪ NIÀN**



**Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 17**

tam thập thất phạm, cụ túc bất hủy, tư niệm

勿忘, 當知此法為世間

**WÙ WÀNG, DĀNGZHĪ Cǐ Fǎ WÉI SHÌJIĀN**

vật vong, đương tri thử pháp vi thế gian

明, 是念法者愚痴惡意怒

**MÍNG, SHÌ NIÀNFǎZHĚ YÚ CHĪ È YÌ NÙ**

minh, thị niệm pháp giả ngu si ác ý nộ

習悉除, 善心自生, 用樂

**XÍ XĪ CHÚ SHÀNXĪN ZÌ SHĒNG YÒNG YÀO**

tập tất trừ, thiện tâm tự sanh, dụng nhạo

法業. 譬如以麻油, 澡豆浴

**Fǎ YÈ. PÌRÚ Yǐ Mǎ YÓU ZǎO DÒU YÙ**

pháp nghiệp. Thí như dĩ ma du, tháo đậu dục

身, 垢濁得除. 齋念法

**SHĒN, GÒU ZHUÓ DĒ CHÚ;ZHĀI NIÀNFǎ**

thân, cầu trước đắc trừ, trai niệm pháp

者, 其淨如是, 眾人見

**ZHĚ, QÍ JìNG RÚ SHÌ, ZHÒNG RÉN JIÀN**

giả, kỳ tịnh như thị, chúng nhân kiến

之, 莫不好信.

**ZHĪ, MÒ BÙ HǎO Xìn.**

chi, mạc bất hảo tín.

**Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 18**

三當念眾, 恭敬親

**SĀNDĀNG NIÀNZHÒNG, GŌNG JìNG QĪN**

Tam đương niệm chúng, cung kính thân

附依受 慧教. 佛弟子眾, 有

**FÙ YĪ SHÒU HUÌ JIÀO FÓ DÌ Zǐ ZHÒNGYŌU**

phụ y thụ huệ giáo, Phật đệ tử chúng, hữu

得溝港受, 溝港証

**DÉ GŌU GǎNG SHÒU GŌU GǎNG ZHÈNG**

đắc câu cảng thụ, câu cảng chứng

者. 有得頻來, 受頻來

**ZHĚ. YŌU DĒ PÍN LÁI, SHÒU PÍN LÁI**

giả. Hữu đắc Tần Lai thụ Tần Lai

証者, 有得不還受不

**ZHÈNG ZHĚ, YŌU DĒ BÙ HUÁN, SHÒU BÙ**

chứng giả; hữu đắc Bất Hoàn thụ Bất

還証者, 有得應真,

**HUÁN ZHÈNG ZHĚ; YŌU DĒ YìNG ZHĒN**

Hoàn chứng giả; hữu đắc Ứng Chân

受應真証者. 是為四

**SHÒU YìNG ZHĒN ZHÈNG ZHĚ. SHÌ WÉI SÌ**

thụ, Ứng Chân chứng giả. Thị vi tứ

雙之八輩丈夫. 皆為

Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 19

**SHUĀNG ZHĪ BĀ BÈI ZHÀNG FŪ. JIĒ WÉI**  
song chi bát bối trượng phu, giai vi

戒成, 定成, 慧成, 解  
**JIÈ CHÉNG DÌNG CHÉNG HUÌ CHÉNG JIĒ**  
giới thành, định thành, huệ thành giải  
成, 度知見成, 為聖  
**CHÉNG, DÙ ZHĪ JIÀN CHÉNG, WÉI SHÈNG**  
thành, độ tri kiến thành, vi thánh

德, 為行具, 當為叉手  
**DÉ, WÉI XÍNG JÙ, DĀNG WÉI CHĀ SHǒU**  
đức, vi hạnh cụ, đương vi xoa thủ

天上天下尊者福田,  
**TIĀN SHÀNG TIĀN XIÀ ZŪN ZHĚ FÚ TIÁN,**  
thiên thượng thiên hạ tôn giả phước điền,

是念眾愚痴惡意怒習悉  
**SHÌ NIÀN ZHÒNG YÚ CHĪ È YÌ NÙ XÍ XĪ**  
thị niệm chúng ngu si ác ý nộ tập tất

除, 喜心自生樂眾之業.  
**CHÚ Xǐ XĪN Zì SHĒNG YÀO ZHÒNG ZHĪ YÈ**  
trừ, hỷ tâm tự sanh, nhạo chúng chi nghiệp.

譬如以淳灰浣衣, 垢污得  
**PÌ RÚ Yǐ CHÚN HUĪ WǎN YĪ, GÒU WŪ DĒ**

Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 20

Thí như dĩ thuận hôi hoán y, câu ô đặc  
除, 齋念眾者, 其德如  
**CHÚ; ZHĀI NIÀN ZHÒNG ZHĚ, QÍ DÉ RÚ**  
trừ. Trai niệm chúng giả, kỳ đức như

是, 眾人見之, 莫不好  
**SHÌ ZHÒNG RÉN JIÀN ZHĪ, MÒ BÙ HǎO**  
thị, chúng nhân kiến chi, mạc bất hảo

信。  
**XÌN.**  
tín.

四者念戒, 身受佛戒, 一  
**SÌ ZHĚ NIÀN JIÈ, SHĒN SHÒU FÓ JIÈ, YĪ**  
Tứ giả niệm giới, thân thụ Phật giới, nhất

心奉持, 不虧不犯, 不動  
**XĪN FÈNG CHÍ, BÙ KUĪ BÙ FÀN, BÙ DÒNG**  
tâm phụng trì, bất khuy bất phạm, bất động

不忘, 善立慎護, 為慧  
**BÙ WÀNG, SHÀN LÌ SHÈN HÙ, WÉI HUÌ**  
bất vong, thiện lập thận hộ, vi huệ  
者舉後無所悔, 不以有  
**ZHĚ Jŭ, HÒU WÚ SUǒ HUĪ, BÙ Yǐ YǒU**  
giả cử, hậu vô sở hối, bất dĩ hữu

Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 21

望, 能 等 教 人, 是 念 戒  
**WÀNG NÉNG DĚNG JIÀO RÉN SHÌ NIÀN  
JIÈ**

vọng, năng đẳng giáo nhân, thị niệm giới

者, 愚 痴 惡 意 怒 習 悉 除, 喜 心 **ZHĚ YÚ CHĪ È YÌ  
NÙ XÍ XĪ CHÚ, XĪ XĪN**  
giả, ngu si ác ý nộ tập tất trừ, hỷ tâm

自 生 樂 戒 統 業, 如 鏡 之  
**ZÌ SHĒNG YÀO JIÈ TŌNG YÈ, RÚ JÌNG ZHĪ**  
tự sanh nhạo giới thông nghiệp, như kính chi

磨, 垢 除 盛 明, 齋 念 戒  
**MÓ GÒU CHÚ SHÈNG MÍNG ZHĀI NIÀN JIÈ**  
ma, cấu trừ thịnh minh; trai niệm giới

者, 其 淨 如 是, 眾 人 見  
**ZHĚ, QÍ JÌNG RÚ SHÌ, ZHÒNG RÉN JIÀN**  
giả, kỳ tịnh như thị, chúng nhân kiến  
之, 莫 不 好 信。  
**ZHĪ, MÒ BÙ HǎO XÌN.**  
chi, mạc bất hảo tín.

五 當 念 天, 第 一 四 天 王。  
**WŨ DĀNG NIÀN TIĀN DÌ YĪ SÌ TIĀN WÁNG**  
Ngũ đương niệm thiên đệ nhất tứ thiên vương

Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 22

第 二 忉 利 天, 鹽 天, 兜 術  
**DÌ ÈR DĀO LÌ TIĀN, YÁN TIĀN, DŌU SHŪ**  
đệ nhị Đao Lợi thiên, Diêm thiên, Đâu Thuật

天, 不 憍 樂 天, 化 應 聲  
**TIĀN BÙ JIĀO LÈ TIĀN HUÀ YÌNG SHĒNG**  
thiên, Bất Kiêu Lạc thiên, Hóa Ứng Thanh

天, 當 自 念, 我 以 有 信 有  
**TIĀN, DĀNG ZÌ NIÀN WŌ Yǐ YŌU XÌN YŌU**  
thiên, đương tự niệm: Ngã dĩ hữu tín, hữu

戒, 有 聞, 有 施, 有 智. 至 身  
**JIÈ YŌU WÉN YŌU SHĪ YŌU ZHÌ. ZHÌ SHĒN**  
giới, hữu văn, hữu thí, hữu trí, chí thân  
死 時, 精 神 上 天, 願 不  
**Sǐ SHÍ JĪNG SHÉN SHÀNG TIĀN, YUÀN BÙ**  
tử thời, tinh thần thượng thiên, nguyện bất

失 信 戒 聞 施 智. 是 念 天  
**SHĪ XÌN JIÈ WÉN SHĪ ZHÌ. SHÌ NIÀN TIĀN**  
thất tín giới văn thí trí. Thị niệm thiên

者, 愚 痴 惡 意, 怒 習 悉 除, 喜 心 **ZHĚ, YÚ CHĪ È YÌ  
NÙ XÍ XĪ CHÚ, XĪ XĪN**  
giả, ngu si ác ý nộ tập tất trừ, hỷ tâm

自 生, 樂 天 統 業. 譬 如 寶

Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 23

**ZÌ SHÈNG, YÀO TIĀN TǒNG YÈ. PÌ RÚ BǎO**

tự sanh nhạo thiên thống nghiệp. Thí như bảo

珠, 常治清明, 齋念

**CHÚ CHÁNG Zhì Qīng Míng, Zhāi Niàn**

châu, thường trị thanh minh; trai niệm

天者, 其淨如是。

**TIĀN Zhě, Qí Jìng Rú Shì.**

thiên giả, kỳ tịnh như thị.

奉持八戒, 習五思念為佛

**FÈNG CHÍ BĀ Jiè Xí Wǔ Sī Niàn Wéi Fó**

Phụng trì bát giới tập ngũ tư niệm vì Phật

法齋, 與天參德, 滅惡興

**Fǎ Zhāi, Yǔ Tiān Cān Dé, Miè È Xìng**

pháp trai, dĩ thiên tham đức, diệt ác hưng

善, 後生天上, 終

**SHÀN, Hòu Shēng Tiān Shàng, Zhōng**

thiện, hậu sanh thiên thượng, chung

得泥洹. 是以智者, 自力行

**DĒ NÍ Huán. Shì Yǐ Zhì Zhě, Zì Lì Xíng**

đắc Nê Hoàn. Thị dĩ trí giả, tự lực hành

出心作福. 如是維耶, 齋之

**CHŪ Xīn Zuò Fú. Rú Shì Wéi Yē Zhāi Zhī**

xuất tâm tác phước. Như thị Duy Da, trai chi

Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 24

福佑, 明譽廣遠, 譬是

**FÚ Yòu Míng, Yù Guǎng Yuǎn Pì Shì**

phước hựu, minh dự quảng viễn, thí thị

天下十六大國, 是十六

**TIĀN Xià Shí Liù Dà Guó, Shì Shí Liù**

thiên hạ thập lục đại quốc, thị thập lục

國, 滿中眾寶不可

**GUÓ Mǎn Zhōng Zhòng Bǎo, Bù Kě**

quốc mãn trung chúng bảo, bất khả

稱數, 不如一日, 受佛法

**CHĒNG Shù Bù Rú Yī Rì Shòu Fó Fǎ**

xưng số, bất như nhất nhật thụ Phật pháp

齋. 如此其福者, 則十六國

**ZHAI, Rú Cǐ Qí Fú Zhě, Zé Shí Liù Guó**

trai, như thử kỳ phước giả tắc thập lục quốc

為一豆耳. 天上廣

**WÉI Yī Dòu Ěr. Tiān Shàng Guǎng**

vì nhất đậu nhĩ! Thiên thượng quảng

遠, 不可稱說, 當今人

**YUǎN Bù Kě Chēng Shuō, Dāng Jīn Rén**

viễn bất khả xưng thuyết, đương kim nhân

間五十歲, 為第一天上

Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 25

**JIĀN WŪ SHÍ SUÌ WÉI DÌ YĪ TIĀN SHÀNG**  
gian ngũ thập tuế, vi đệ nhất thiên thượng

一日一夜,第一四天上 壽

**YĪ RÌ YĪ YÈ, DÌ YĪ SÌ TIĀN SHÀNG SHÒU**  
nhất nhật nhất dạ, đệ nhất tứ thiên thượng thọ

五百歲,彼當人間九百

**WŪ BǎI SUÌ, Bǐ DĀNG RÉN JIĀN JIŪ BǎI**  
ngũ bách tuế, bĩ đương nhân gian cửu bách

萬歲,佛法齋者,得生此

**WÀN SUÌ, FÓ Fǎ ZHĀI ZHĒ, DĒ SHĒNG Cǐ**  
vạn tuế Phật pháp trai giả, đắc sanh thử

天上.人間百歲為忉

**TIĀN SHÀNG, RÉN JIĀN BǎI SUÌ WÉI DĀO**  
thiên thượng, nhân gian bách tuế vi Đao

利天上 一日一夜,忉利

**LÌ TIĀN SHÀNG YĪ RÌ YĪ YÈ, DĀO LÌ**  
Lợi thiên thượng nhất nhật nhất dạ, Đao Lợi

天壽千歲,當人間三

**TIĀN SHÒU QĪĀN SUÌ DĀNG RÉN JIĀN SĀN**  
thiên thọ thiên tuế, đương nhân gian tam

千六百萬歲,人間二百

**QĪĀN LIŪ BǎI WÀN SUÌ, RÉN JIĀN ÈR BǎI**  
thiên lục bách vạn tuế; nhân gian nhị bách

Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 26

歲為鹽天上 一日一夜

**SUÌ WÉI YÁN TIĀN SHÀNG YĪ RÌ YĪ YÈ,**  
tuế, vi Diêm thiên thượng nhất nhật nhất dạ,

鹽天壽二千歲,當人

**YÁN TIĀN SHÒU ÈR QĪĀN SUÌ DĀNG RÉN**  
Diêm thiên thọ nhị thiên tuế, đương nhân

間一億五千二百萬歲,人

**JIĀN YĪ YÌ WŪ QĪĀN ÈR BǎI WÀN SUÌ, RÉN**  
gian nhất ức ngũ thiên nhị bách vạn tuế nhân

間四百歲,為兜術天上

**JIĀN SÌ BǎI SUÌ WÉI DŌU SHÙ TIĀN SHÀNG**

gian tứ bách tuế, vi Đâu Thuật thiên thượng  
一日一夜,兜術天壽四

**YĪ RÌ YĪ YÈ, DŌU SHÙ TIĀN SHÒU SÌ**  
nhất nhật nhất dạ, Đâu Thuật thiên thọ tứ

千歲,當人間六億八百

**QĪĀN SUÌ, DĀNG RÉN JIĀN LIŪ YÌ BĀ BǎI**  
thiên tuế, đương nhân gian lục ức bát bách

萬歲,人間八百歲,為不

**WÀN SUÌ, RÉN JIĀN BĀ BǎI SUÌ, WÉI BŪ**  
vạn tuế; nhân gian bát bách tuế, vi Bất

Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 27

僑樂天上一日一夜,不  
**JIĀO LÈ TIĀN SHÀNG YĪ RÌ YĪ YÈ, BÙ**  
Kiêu Lạc thiên thượng nhất nhật nhất dạ, Bất

僑樂天壽八千歲,當  
**JIĀO LÈ TIĀN SHÒU BĀ QIĀN SUÌ, DĀNG**  
Kiêu Lạc thiên thọ bát thiên tuế, đương

人間二十三億四千萬  
**RÉN JIĀN ÈR SHÍ SĀN YÌ SÌ QIĀN WÀN**  
nhân gian nhị thập tam ức tứ thiên vạn  
歲.人間千六百歲,為化  
**SUÌ. RÉN JIĀN QIĀN LIÙ BĀI SUÌ, WÉI HUÀ**  
tuế. Nhân gian thiên lục bách tuế, vi Hóa

應聲天上一日一夜,  
**YĪNG SHĒNG TIĀN SHÀNG YĪ RÌ YĪ YÈ**  
Ứng Thanh thiên thượng nhất nhật nhất dạ.

化應聲天壽萬六  
**HUÀ YĪNG SHĒNG TIĀN SHÒU WÀN LIÙ**  
Hóa Ứng Thanh thiên thọ vạn lục

千歲,當人間九十二億  
**QIĀN SUÌ, DĀNG RÉN JIĀN JIŪ SHÍ ÈR YÌ**  
thiên tuế, đương nhân gian cửu thập nhị ức

一千六百萬歲,若有人

Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 28

**YĪ QIĀN LIÙ BĀI WÀN SUÌ. RUÒ YŌU RÉN**  
nhất thiên lục bách vạn tuế. Nhược hữu nhân

有信有戒有聞有施有  
**YŌU XÌN YŌU JIÈ YŌU WÉN YŌU SHĪ YŌU**  
hữu tín, hữu giới, hữu văn, hữu thí, hữu

智奉佛法齋,當命盡時  
**ZHÌ FÈNG FÓ Fǎ ZHĀI DĀNG MÌNG Jìn SHÍ**  
trí, phụng Phật pháp trai đương mạng tận thời

其人精神皆生此六天  
**QÍ RÉN JĪNG SHÉN JIĒ SHĒNG Cǐ LIÙ TIĀN**  
kỳ nhân tinh thần, giai sanh thử lục thiên

上,安隱快樂,猗善眾  
**SHÀNG ĀN YǐN KUÀI LÈ YĪ SHÀN ZHÒNG**  
thượng, an ẩn khoái lạc, y thiện chúng

多,我少說耳.凡人行  
**DUŌ, WŌ SHǎO SHUŌ ĚR. FÁN RÉN XÍNG**  
đa, ngã thiểu thuyết nhĩ. Phạm nhân hành

善,魂神上天,受福  
**SHÀN HÚN SHÉN SHÀNG TIĀN SHÒU FÚ**  
thiện, hồn thần thượng thiên, thụ phước

無量.維耶聞佛語,歡喜  
**WÚ LIÀNG. WÉI YĒ WÉN FÓ YŪ HUĀN Xǐ**

Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 29

vô lượng. Duy Da văn Phật ngữ hoan hỷ

言: 善哉! 善哉! 世尊! 齋

**YÁN SHÀN ZĀI SHÀN ZĀI! SHÌ ZŪN! ZHĀI**

ngôn: - Thiện tai, thiện tai! Thế Tôn! Trai

之福德, 甚快無量, 願

**ZHĪ FÚ DÉ SHÈN KUÀI WÚ LIÀNG, YUÀN**

chi phước đức thậm khoái vô lượng, nguyện

受佛戒, 從今已後, 月月

**SHÒU FÓ JIÈ, CÓNG JĪN Yǐ HÒU YUÈ YUÈ**

thụ Phật giới, từng kim dĩ hậu, nguyệt nguyệt

六齋竭力作福至死. 佛

**LIÙ ZHĀI JIÉ LÌ ZUÒ FÚ ZHÌ Sǐ. FÓ**

lục trai kiệt lực tác phước chí tử. Phật

說經已, 皆歡喜受教.

**SHUŌ JĪNG Yǐ, JIĒ HUĀN Xǐ SHÒU JIÀO**

thuyết kinh dĩ, giai hoan hỷ thụ giáo.

佛說齋經

**FÓ SHUŌ ZHĀI JĪNG**

Phật thuyết Trai Kinh

**七佛滅罪真言**

**QĪ FÓ MIÈ ZUÌ ZHĒN YÁN**

Thất Phật diệt tội chân ngôn

Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 30

離婆離婆帝, 求訶求訶帝, 陀

**LÍ PÓ LÍ PÓ DÌ, QIÚ HĒ QIÚ HĒ DÌ, TUÓ**

Ly bà ly bà đế, cầu ha cầu ha đế, ðà

羅尼帝, 尼訶囉帝, 毘黎你帝

**LUÓ NÍ DÌ, NÍ HĒ LÈ DÌ, PÍ LÍ Nǐ DÌ,**

la ni đế, ni ha ra đế, tỳ lê nễ đế,

摩訶伽帝真陵乾帝莎

**MÓ HĒ QIÉ DÌ, ZHĒN LÍNG QIÁN DÌ SUŌ**

ma ha già đế, chân lăng càn đế, sa

婆訶

**PÓ HĒ !**

bà ha.

---o0o---

補缺真言

**BŪ QUĒ ZHĒN YÁN**

**Bổ khuyết chân ngôn**

南無喝囉怛那, 哆囉夜耶

**NÁN MO HÈ LÀ DÁ Nǎ DUŌ LÀ YÈ YĒ**

Nam mô hát ra đát na đát ra dạ da

Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 31

怯囉 佉囉,俱住 俱住,摩囉

**QIÈ LÀ QIÉ LÀ JŪ ZHÙ JŪ ZHÙ MÓ LÀ**  
khiếp la, khư la, câu trụ, câu trụ, ma ra,

摩囉 虎囉 吽 賀賀 蘇怛拏

**MÓ LÀ, HŨ LÀ HÔNG, HÈ HÈ, SŪ DÁ NÁ**  
ma ra, hỏ la hồng, hạ hạ, tô đát noa,

吽 潑抹拏 娑婆訶

**HÔNG PÔ MỔ NÁ SUÔ PÓ HÈ**  
hông phát mạt noa sa bà ha.

---o0o---

八關戒齋儀規

**BĀ GUĀN JIÈ ZHĀI YÍ GUĪ**

**Bát quan giới trai nghi quy**

發願

**FĀ YUÀN**

Phát nguyện

歸命 一切佛,唯 願 一

**GUĪ MÌNG YĪ QIĒ FÓ, WÉI YUÀN YĪ**  
Quy mạng nhất thiết Phật, duy nguyện nhất

Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 32

切佛菩薩眾, 攝受 於我.

**QIĒ FÓ PÚ SÀ ZHÒNG, SHÈ SHÒU YÚ WŌ.**  
thiết Phật Bồ Tát chúng, nhiếp thụ u ngã (một lạy)

我今歸命 勝 菩提

**WŌ JĪN GUĪ MÌNG SHÈNG PÚ TÍ**  
Ngã kim quy mạng thắng Bồ Đề

最上清淨佛法眾。

**ZUÌ SHÀNG QĪNG JÌNG FÓ Fǎ ZHÒNG.**  
Tôi thượng thanh tịnh Phật pháp chúng.

我發 廣 大菩提心

**WŌ FĀ GUǎNG DÀ PÚ TÍ XĪN**  
Ngã phát quảng đại Bồ Đề tâm

自他利益皆成就。

**ZÌ TĀ LÌ YÌ JIĒ CHÉNG JIÙ .**  
Tự tha lợi ích giai thành tựu.

懺 除一切 不善 業,

**CHÀN CHÚ YĪ QIĒ BÙ SHÀN YÈ,**  
Sám trừ nhất thiết bất thiện nghiệp,

隨喜無邊眾 福蘊。

**SUÍ Xǐ WÚ BIĀN ZHÒNG FÚ YÙN.**  
Tùy hỷ vô biên công đức uẩn.

先 當 不食一日中,



Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 33

**XIĀN DĀNG BÙ SHÍ YĪ RÌ ZHŌNG ,**  
Tiên đương bát thực nhất nhật trung,

後修八種長養法。

**HÒU XIŪ BĀ ZHǒNG ZHÁNG YǎNG Fǎ.**

Hậu tu bát chủng trường dưỡng pháp. (3 lần 3 lạy)

我弟子....唯願阿闍梨攝受

**Wǒ Dì Zǐ.... WÉI YUÀN Ā SHÉ LÍ SHÈ SHÒU**

Ngã đệ tử .... duy nguyện A Xà Lê, nhiếp thụ

於我。

**YÚ Wǒ.**

ư ngã .

我從今時發淨信心，乃

**Wǒ Cóng Jīn Shí Fā Jìng Xìn Xīn, Nǎi**

Ngã tùng kim thời phát tịnh tín tâm nãi

至坐菩提場成等

**Zhì Zuò Pú tí Cháng Chéng Děng**

chí tọa Bồ Đề tràng thành Đẳng

正覺，

**Zhèng Jué,**

Chánh Giác,

誓歸依佛，兩足勝尊

**Shì Guī Yī Fó, Liǎng Zú Shèng Zūn.**

Thệ quy y Phật, lưỡng túc thắng tôn.

Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 34

誓歸依法，離欲勝尊。

**Shì Guī Yī Fǎ, Lí Yù Shèng Zūn,**

Thệ quy y pháp ly dục thắng tôn,

誓歸依僧調伏勝尊。

**Shì Guī Yī Sēng, Diào Fú Shèng Zūn.**

Thệ quy y tăng, điều phục thắng tôn

如是三寶，是所歸趣

**Rú Shì Sān Bǎo, Shì Suǒ Guī Qù**

Như thị Tam Bảo, thị sở quy thú (3 lần 3 lạy)

我弟子...淨信優婆塞夷，唯

**Wǒ Dì Zǐ.... Jìng Xìn Yōu Pó Sè Yí, Wéi**

Ngã đệ tử.... tịnh tín ưu bà tặc di, duy

願阿闍梨，憶持護念。

**Yuàn Ā Shé Lí, Yì Chí Hù Niàn.**

nguyện a xà lê, ức trì hộ niệm.

我從今日今時發起淨

**Wǒ Cóng Jīn Rì Jīn Shí Fā Qǐ Jìng**

Ngã tùng kim nhật kim thời phát khởi tịnh

心，乃至過是夜分

**Xīn, Nǎi Zhì Guò Shì Yè Fēn,**

tâm, nãi chí quá thị dạ phần ,

訖於明旦，日初出時，於其

Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 35

**QÌ YÚ MÍNG DÀN RÌ CHŪ CHŪ SHÍ, YÚ QÍ**

Ngật ư minh đán nhật sơ xuất thời, ư kỳ

中 間 , 奉 持 八 戒 ,

**ZHŌNG JIĀN, FÈNG CHÍ BĀ JIÈ,**

trung gian phụng trì bát giới,

所 謂 一 不 殺 生 , 二 不 偷

**SUǒ WÈI YĪ BÙ SHĀ SHĒNG, ÈR BÙ TŌU**

Sở vị nhất bất sát sanh, nhị bất thâu

盜 , 三 不 非 梵 行 , 四 不 妄

**ĐÀO, SĀN BÙ FĒI FÀN HĒNG, SÌ BÙ WÀNG**

đạo, tam bất phi phạm hành, tứ bất vọng

語 , 五 不 飲 酒 , 六 不 非 時 食

**YŪ, WŪ BÙ YĪN JIŪ, LIÙ BÙ FĒI SHÍ SHÍ,**

ngữ, ngũ bất ẩm tửu, lục bất phi thời thực,

七 不 香 華 鬢 莊 嚴 其

**QĪ BÙ XIĀNG HUÁ MÁN ZHUĀNG YÁN QÍ**

thất bất hương hoa man trang nghiêm kỳ

身 及 歌 舞 戲 等 , 八 不 坐 臥

**SHĒN JÍ GĒ WŪ XÌ DĒNG, BĀ BÙ ZUÒ WÒ**

thân cập ca vũ hí đặng, bát bất tọa ngọa

高 廣 大 床 . 我 今 捨 離

**GĀO GUǎNG DÀ CHUÁNG. WŌ JĪN SHĒ LÍ**

cao quảng đại sàng. Ngã kim xả ly

Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 36

如 是 等 事 , 誓 願 不 舍 清

**RÚ SHÌ DĒNG SHÌ, SHÌ YUÀN BÙ SHĒ QĪNG**

như thị đặng sự, thệ nguyện bất xả thanh

淨 禁 戒 八 種 功 德 .

**JÌNG JÌN JIÈ BĀ ZHŌNG GŌNG DÉ**

tịnh cấm giới bát chủng công đức (3 lần 3 lạy)

我 持 戒 行 , 莊 嚴 其 心 ,

**WŌ CHÍ JIÈ XÍNG, ZHUĀNG YÁN QÍ XĪN**

Ngã trì giới hạnh, trang nghiêm kỳ tâm

令 心 喜 悅 . 廣 修 一 切 , 相

**LÌNG XĪN Xǐ YUÈ GUǎNG XIŪ YĪ QĪÈ**

**XIĀNG**

linh tâm hỉ duyệt. Quảng tu nhất thiết tương

應 勝 行 , 求 成 佛 果 ,

**YÌNG SHÈNG XÍNG, QÍU CHÉNG FÓ GUŌ**

ứng thắng hạnh, cầu thành Phật quả,

究 竟 圓 滿 .

**JIÙ JÌNG YUÁN MǎN**

cứu cánh viên mãn (1 lần 1 lạy)

我 發 無 二 最 上 心 ,

**WŌ FĀ WÚ ÈR ZUÌ SHàng XĪN,**

Ngã phát vô nhị tối thượng tâm

**Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 37**

為 諸 眾 生 不 請 友，  
**WÉI ZHŪ ZHÒNG SHÈNG BÙ QǐNG YǒU**  
Vi chur chúng sanh bất thỉnh hữu

勝 菩 提 行 善 所 行，  
**SHÈNG PÚ TÍ XÍNG SHÀN SUǒ XÍNG**  
Thắng Bồ Đề hành thiện sở hành  
成 佛 世 間 廣 利 益。  
**CHÉNG FÓ SHÌ JIĀN GUǎNG LÌ YÌ.**  
Thành Phật thế gian quảng lợi ích.

願 我 乘 是 善 業 故，  
**YUÀN Wǒ CHÉNG SHÌ SHÀN YÈ GÙ,**  
Nguyện ngã thừa thị thiện nghiệp cố

此 世 不 久 成 正 覺，  
**Cǐ SHÌ BÙ JIŪ CHÉNG ZHÈNG JUÉ,**  
Thử thế bất cửu thành chánh giác

說 法 饒 益 於 世 間，  
**SHUŌ Fǎ RÁO YÌ YÚ SHÌ JIĀN,**  
Thuyết pháp nhiều ích u thế gian

解 脫 眾 生 三 有 苦  
**JIE TUŌ ZHÒNG SHÈNG SĀN YǒU Kŭ**  
Giải thoát chúng sanh tam hữu khổ (3 lần 3 lạy)

---o0o---

**Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 38**

**Dịch Nghĩa Phật Thuyết Trai Kinh**  
**(Phật nói kinh Bát Quan Trai)**  
**Đời Ngô, cư sĩ Chi Khiêm**  
**xứ Nhục Chi dịch từ Phạn sang Hán**  
**Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa**

Nghe như thế này: Một thời đức Phật ngự tại thành Vương Xá nơi điện riêng của Đông Thừa Tướng. Mẹ quan Thừa Tướng tên là Duy Da dậy sớm, tắm gội, mặc áo lụa màu, cùng các cô con dâu đều đi ra, đánh lễ dưới chân Phật, ngồi qua một phía. Phật hỏi Duy Da:

- Sao bà tắm gội sớm thế?

Thưa:

- Con muốn cùng các con dâu đều thọ trai giới.

Phật nói:

- Trai giới có ba loại, bà thích thọ loại nào?

Duy Da quỳ dài thưa:

- Con xin nghe ba loại trai giới là như thế nào?

Phật dạy:

- Một là trai giới của kẻ chăn trâu, hai là trai giới của bọn Ni Kiền<sup>1</sup>, ba là trai giới của Phật pháp.

Trai giới của kẻ chăn trâu là như kẻ chăn trâu tìm nơi nước cỏ tốt lành để chăm bẵm trâu, chiều về suy nghĩ cánh đồng nào tươi tốt để ngày mai sẽ lại đến đó. Nếu tộc tánh nam nữ<sup>2</sup>

### Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 39

đã thọ trai giới mà nghĩ đến nhà cửa, lợi lạc, ham muốn, sản nghiệp và nghĩ đến thức ăn ngon lành để bồi bổ cái thân thì giống như suy nghĩ của kẻ chẵn trâu kia, chẳng được phước lớn, chẳng được sáng suốt lớn.

Trai giới của bọn Ni Kiền là vào ngày Trai nhằm ngày Rằm mỗi tháng, phục xuống đất thọ trai giới, lạy các quý thần trong vòng mười do-diên<sup>3</sup> thưa:

- Hôm nay tôi giữ trai chẳng dám làm ác, chẳng gọi là có nhà, họ với tôi chẳng thân thiết gì, vợ con, nô tỳ chẳng phải là thứ tôi có. Tôi không phải là chủ họ.

Nhưng [thọ trai như thế] là học theo lời ăn nói bóng bẩy, thực chất hèn tẻ, tâm chẳng chánh đáng. Đến hôm sau sẽ lại có những sự ấy như cũ. Thọ trai giới như bọn họ chẳng được phước lớn, chẳng được sáng suốt lớn.

Trai giới của Phật pháp là dạy đệ tử vào sáu ngày chay mỗi tháng, thọ tám giới. Gì là tám? Giới thứ nhất, giữ trọn một ngày một đêm, tâm như chân nhân, chẳng có ý giết hại, lòng từ nghĩ đến chúng sanh, chẳng được sát hại những loài bò trườn, cựa quậy, chẳng dùng đao trượng động đến chúng, nghĩ muốn khiến cho chúng được an vui lợi lạc, chẳng giết hại nữa. Một lòng tu tập giới thanh tịnh như thế.

Giới thứ hai, giữ trọn một ngày một đêm, tâm như chân nhân, không có ý tham luyến, suy nghĩ

### Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 40

bồ thí, nên hoan hỷ cho, tự tay cho, cho một cách trong sạch, cho một cách cung kính, cho mà không mong cầu, khi cho dứt tuyệt ý keo kiệt tham lam. Một lòng tu tập giới thanh tịnh như thế.

Giới thứ ba, giữ trọn một ngày một đêm, tâm như chân nhân, không có ý dâm, chẳng nghĩ đến chuyện ăn nằm, giữ gìn phạm hạnh, chẳng khởi tâm tà dục, chẳng tham sắc. Một lòng tu tập giới thanh tịnh như thế.

Giới thứ tư, giữ một ngày một đêm, tâm như chân nhân, không có ý nói dối, suy nghĩ chí thành, ăn nói an định, từ tốn, chẳng dối trá, tâm và miệng tương ứng. Một lòng tu tập giới thanh tịnh như thế.

Giới thứ năm, giữ một ngày một đêm, tâm như chân nhân, không uống rượu, không say sưa, không mê loạn, không mất lý trí, trừ khử ý niệm buông lung. Một lòng tu tập giới thành tựu như thế.

Giới thứ sáu, giữ một ngày một đêm, tâm như chân nhân, giữ yên ý niệm không mong cầu, không dùng hoa hương, không bôi son phấn, không ca múa tấu nhạc. Một lòng tu tập giới thanh tịnh như thế.

Giới thứ bảy, giữ trọn một ngày một đêm, tâm như chân nhân, giữ yên ý niệm không mong cầu, chẳng nằm giường tốt, nằm giường thô

## Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 41

chiều cỏ, trừ bỏ ngủ nghỉ, suy nghĩ kinh đạo, một lòng tu tập giới thanh tịnh như thế.

Giới thứ tám, giữ một ngày một đêm, tâm như chân nhân, ăn đúng thời theo pháp, ăn ít, ước chế thân mình, không ăn quá Ngọ. Một lòng giữ giới thanh tịnh như thế.

Phật bảo Duy Da:

- Ngày thọ trai giới nên tu tập ngũ niệm. Những gì là năm?

Một là nên niệm Phật. Phật là Như Lai, là bậc Chí Chân, là bậc Đẳng Chánh Giác, là bậc Minh Hạnh Túc, là bậc Thiện Thệ, cha của thế gian, là Vô Thượng Sĩ, là Kinh Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, nên gọi là Phật. Niệm Phật như thế thì những tập khí ngu si, ác ý, nóng giận đều trừ, tâm lành tự sanh, suy nghĩ ưa thích Phật nghiệp. Ví như dùng dầu mè, tháo đậu<sup>4</sup> để gội đầu, sẽ trừ được như bản. Người trì trai niệm Phật sẽ thanh tịnh giống như vậy, mọi người trông thấy, không ai chẳng ưa thích, tin tưởng.

Hai là nên niệm Pháp. Pháp của đức Phật nói gồm ba mươi bảy phẩm, đầy đủ chẳng hủy, hãy suy nghĩ chớ quên. Nên biết pháp ấy soi sáng thế gian. Niệm pháp như thế thì những tập khí ngu si, ác ý, nóng giận đều trừ, tâm lành tự sanh, sử dụng, ưa thích pháp nghiệp. Ví như dùng dầu mè, tháo đậu để tắm rửa thân thể thì trừ được như bản. Người trì trai

## Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 42

niệm pháp sẽ thanh tịnh giống như vậy, mọi người trông thấy không ai chẳng ưa thích, tin tưởng.

Ba là nên niệm chúng, cung kính, thân cận bậc nương theo, vâng nhận sự giáo hóa trí huệ. Trong chúng đệ tử của đức Phật có vị đắc Câu Cãng Thọ, Câu Cãng Chúng, có vị đắc Tàn Lai Thọ, Tàn Lai Chúng, có vị đắc Bất Hoàn Thọ, Bất Hoàn Chúng, có vị đắc Ứng Chân Thọ, Ứng Chân Chúng<sup>5</sup>. Đây là tám bậc trượng phu được chia thành bốn cặp, đều là Giới thành, Định thành, Huệ thành, Giải thành, hoàn thiện tri kiến thành, là bậc thánh đức, là bậc hạnh trọn vẹn, hãy nên chấp tay lễ bậc phước điền được trên trời và dưới nhân gian tôn kính. Niệm [thánh] chúng như vậy những tập khí ngu si, ác ý, nóng giận đều trừ, hỷ tâm tự sanh, suy nghĩ ưa thích hạnh nghiệp của thánh chúng. Ví như dùng tro sạch để giặt áo sẽ trừ được như bản. Người trì trai niệm chúng sẽ thanh tịnh giống như vậy, mọi người trông thấy, không ai chẳng ưa thích, tin tưởng. Thứ tư là niệm giới, thân nhận lãnh giới của Phật, nhất tâm vâng giữ, chẳng thiếu sót, chẳng phạm, chẳng động, chẳng quên, khéo thành lập, giữ gìn cẩn thận chính là cử chỉ của bậc trí huệ, để khỏi phải lo hối hận về sau, có thể bình đẳng dạy người. Người niệm giới như vậy thì những tập khí ngu si, ác ý, nóng

### Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 43

giận đều trừ, hỷ tâm tự sanh, ưa thích những nghiệp thuộc về giới. Như mài gương<sup>6</sup>, chất nhơ hết thì ánh sáng hiện. Người trì trai niệm giới sẽ thanh tịnh giống như thế. Mọi người trông thấy, không ai chẳng ưa thích, tin tưởng. Năm là nên niệm thiên: Thứ nhất là Tứ Vương thiên, thứ hai là Đao Lợi thiên, Diêm thiên, Đâu Suất thiên, Bất Kiêu Lạc thiên, Hóa Ứng Thanh thiên. Hãy nên tự niệm: Tôi do có tín, có giới, có nghe pháp, có thí, có trí, đến khi thân tôi chết, tinh thần sẽ lên trời, nguyện chẳng mất tín, giới, nghe pháp, thí, trí. Niệm thiên như vậy thì những tập khí ngu si, ác ý, nóng giận đều trừ, hỷ tâm tự sanh, ưa thích những nghiệp thuộc chư thiên. Ví như bảo châu thường được giồi mài sẽ sáng sạch. Người trì trai niệm thiên sẽ thanh tịnh giống như vậy.

Phụng trì tám giới, tu tập ngũ niệm là trai giới trong Phật pháp, công đức sẽ giống như chu thiên, diệt ác, khởi điều lành, sau này sẽ sanh lên trời, rốt cuộc đắc Niết Bàn. Do vậy, người trí sẽ tự lực hành, dốc lòng làm phước. Như vậy đó, Duy Da! Trai giới có phước đức sáng ngời, tiếng tăm xa rộng. Ví như mười sáu nước lớn trong thiên hạ, trong mười sáu nước ấy đầy ắp các thứ báu chẳng thể kể đếm được, [nhưng những thứ ấy] vẫn chẳng bằng trai giới một ngày theo đúng Phật pháp. [So

### Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 44

sánh với] phước như vậy thì [những của báu] trong mười sáu nước giống như hạt đậu mà thôi! Trên cõi trời xa rộng chẳng thể tính kể được! Hãy nên biết: Năm mươi năm trong nhân gian bằng một ngày một đêm trên tầng trời thứ nhất. Tầng trời thứ nhất là Tứ Vương thiên thọ năm trăm tuổi, bằng với chín trăm vạn năm trong nhân gian. Người giữ trai giới theo Phật pháp được sanh lên tầng trời này. Một trăm năm trong nhân gian bằng một ngày một đêm trên trời Đao Lợi. Trời Đao Lợi thọ một ngàn tuổi, bằng với ba ngàn sáu trăm vạn năm trong nhân gian. Hai trăm năm trong nhân gian bằng một ngày một đêm nơi Diêm thiên. Diêm thiên thọ hai ngàn tuổi, bằng với một ức năm ngàn hai trăm vạn năm trong nhân gian. Bốn trăm năm trong nhân gian là một ngày một đêm trên trời Đâu Thuật. Trời Đâu Thuật thọ bốn ngàn tuổi, bằng với sáu ức tám trăm vạn năm trong nhân gian. Tám trăm năm trong nhân gian là một ngày một đêm trên trời Bất Kiêu Lạc. Trời Bất Kiêu Lạc thọ tám ngàn năm, bằng với hai mươi ba ức bốn ngàn vạn năm trong nhân gian. Một ngàn sáu năm trong nhân gian là một ngày một đêm trên trời Hóa Ứng Thanh. Trời Hóa Ứng Thanh thọ một vạn sáu ngàn tuổi, bằng với chín mươi hai ức một ngàn sáu trăm vạn năm trong nhân gian. Nếu có người có tín, có giới,

### Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 45

có nghe pháp, có trí, có trí, vâng giữ trai giới trong Phật pháp thì khi hết tuổi họ, tinh thần của người ấy sẽ đều sanh vào trong sáu cõi trời ấy, an ổn, khoái lạc, những điều tốt đẹp đáng ca ngợi thật nhiều, ta chỉ nói đôi chút. Phàm ai làm lành thì hồn thần sẽ hưởng phước vô lượng trên trời.

Duy Da nghe lời Phật, hoan hỷ nói:

- Lành thay! Lành thay! Bạch Thế Tôn! Phước đức của trai giới rất sung sướng vô lượng. Con xin giữ giới của Phật, từ nay trở đi, trong sáu ngày chay mỗi tháng, con sẽ dốc hết sức làm phước đến chết.

Phật nói kinh xong, [ai nấy] đều hoan hỷ, vâng theo lời dạy.

---o0o---

### **Phật Thuyết Trai Kinh**

#### **Nghi Thức Bát Quan Trai Giới**

Quy mạng hết thầy Phật, kính xin hết thầy Phật và Bồ Tát chúng, nhiếp thọ con (1 lần, 1 lạy)

Con nay quy mạng thẳng Bồ Đề,  
Phật, pháp, Tăng thanh tịnh tối thượng.

### Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 46

Con phát tâm Bồ Đề rộng lớn,  
Tùy hỷ vô biên các khối phước,  
Trước hết là không ăn quá ngọ, rồi mới tu tám pháp trường dưỡng.  
Con từ lúc này, phát tâm tịnh tín, cho đến khi ngồi nơi Bồ Đề tràng, thành Đẳng Chánh Giác.

Thề quy Phật, Lương Túc Thắng tôn.

Thề quy y Pháp, Ly Dục Thắng tôn.

Thề quy y Tăng, Điều Phục Thắng tôn.

Tam Bảo là như thế là chỗ hướng về (3 lần, 3 lạy)

Đệ tử con tên là... tịnh tín ưu bà tắc (ưu bà di), kính mong A Xà Lê nghĩ nhớ, hộ niệm. Con từ giờ này trong ngày hôm nay, phát khởi tịnh tâm, cho đến hết đêm nay cho đến lúc ngày mai lúc mặt trời vừa mọc, trong thời gian ấy vâng giữ tám giới. Tức là: Một chẳng sát sanh, hai không trộm cắp, ba không làm chuyện tà hạnh, bốn chẳng nói dối, năm chẳng uống rượu, sáu chẳng ăn trái thời, bảy chẳng dùng hương, tràng hoa trang sức thân thể và ca múa vui chơi v.v... tám chẳng nằm ngồi giường to cao rộng. Con nay lìa bỏ những chuyện như vậy, thề nguyện chẳng bỏ giới cấm thanh tịnh tám món công đức (3 lần, 3 lạy).

## Hồi hướng

Con trì giới hạnh, trang nghiêm cái tâm,  
khiến tâm vui sướng, rộng tu hết thấy các  
hạnh thù thắng tương ứng, cầu thành Phật quả,  
rốt ráo viên mãn (1 lần, 1 lạy).

Con phát tâm vô thượng không hai,  
Làm bạn chẳng thỉnh của chúng sanh,  
Khéo hành hạnh Bồ Đề thù thắng,  
Thành Phật rộng lợi ích thế gian,  
Nguyện con nương nhờ thiện nghiệp này,  
Thành Phật chẳng lâu trong đời này,  
Thuyết pháp lợi ích cả thế gian,  
Giải thoát chúng sanh khổ ba cõi.  
(3 lần, 3 lạy).

---o0o---

Hết

---

<sup>1</sup> Ni Kiên (Nigantha Nātaputta): Những người tin theo ngoại đạo Ni Kiên Tử, một trong sáu lục sư ngoại đạo.

<sup>2</sup> Một cách dịch khác của “thiện nam tử, thiện nữ nhân”.

<sup>3</sup> Do diên (yojana): Còn dịch là Do Tuần, là đơn vị đo khoảng cách, tùy theo địa phương mà Do Diên có độ dài từ 6 đến 15 cây số.

---

<sup>4</sup> Tháo đậu: Thời cổ, do chưa có xà-bông nên người ta dùng đậu nấu chín nghiền thành bột, hòa với những chất có tác dụng tẩy rửa khác như bồ kết, dùng để rửa ráy do chúng có chất nhờn. Chất bột đậu ấy được gọi là tháo đậu.

<sup>5</sup> Đây là những cách dịch khác của Tứ Quả (Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán) và Tứ Hướng.

<sup>6</sup> Thời cổ, gương soi làm bằng đồng mài bóng.